

Số: 26/QĐ-THTT

Thanh Tâm, ngày 02 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của trường Tiểu học Thanh Tâm**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ vào quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2024 của trường Tiểu học Thanh Tâm (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài chính và các tổ chuyên môn liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ phận CM
- Lưu :VT

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4.396.744.067	4.396.744.067	-	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.267.858.893	4.267.858.893	-	
6000	Tiền lương	1.996.465.411	1.996.465.411	-	
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo HD	21.500.856	21.500.856		
6100	Phụ cấp lương	1.146.815.558	1.146.815.558	-	
6200	Tiền thưởng	34.398.000	34.398.000	-	
6300	Các khoản đóng góp	571.641.647	571.641.647	-	
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	18.462.600	18.462.600	-	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	29.459.000	29.459.000	-	
6550	Vật tư văn phòng	117.580.196	117.580.196	-	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	10.970.530	10.970.530	-	
6700	Công tác phí	9.600.000	9.600.000	-	
6750	Chi phí thuê mướn	123.275.200	123.275.200	-	
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí	109.121.095	109.121.095	-	
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	16.060.000	16.060.000	-	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	15.112.140	15.112.140	-	
7050	Mua sắm tài sản vô hình	20.746.360	20.746.360	-	
7750	Chi khác	26.650.300	26.650.300	-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	128.885.174	128.885.174	-	
6000	Tiền lương	9.944.146	9.944.146		
6100	Phụ cấp lương	3.482.388	3.482.388		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
6150	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	2.100.000	2.100.000	-	
6200	Tiền thưởng	113.358.640	113.358.640	-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
...				

Thanh Tâm, ngày 02 tháng 04 năm 2025

Kế toán



Nguyễn Vũ Thanh Mai

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Hương